

Bản tin Thuế

Tháng 7 năm 2009



Trong số này:

Văn bản mới

Nghị định 62/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế (Tr.2)

Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được (Tr.2)

Văn bản dự thảo

Nhà thầu nước ngoài được áp dụng lại phương pháp hỗn hợp (Tr.3)

Xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại (Tr.4)

Dự thảo Nghị định phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ (Tr.5)

Văn bản hướng dẫn

Thuế GTGT

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT (Tr.6)

Quy định về việc hoàn thuế GTGT (Tr.6)

Thuế TNDN và thuế TNCN

Chính sách thuế đối với giao dịch cổ phiếu tại nước ngoài (Tr.7)

Hải quan và Xuất nhập khẩu

Tham vấn trị giá tính thuế hàng nhập khẩu (Tr.7)

Hướng dẫn Thông tư 116/2008/TT-BTC về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài (Tr.8)

Tiếp tục đơn giản hóa bộ hồ sơ hải quan (Tr.9)

Bảo hiểm thất nghiệp

Hướng dẫn thực hiện thu – chi bảo hiểm thất nghiệp (Tr.10)

Văn bản mới

Nghị định 62/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế

Ngày 27/7/2009, Chính phủ ban hành **Nghị định 62/2009/NĐ-CP** quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế với những nội dung đáng chú ý liên quan đến mức đóng BHYT như sau:

- Áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (“HĐLĐ”) không xác định thời hạn, HĐLĐ có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên:
 - **Từ ngày 1/7/2009 đến 31/12/2009:** mức đóng hàng tháng bằng **3%** mức tiền lương hàng tháng
 - **Từ ngày 1/1/2010:** mức đóng hàng tháng bằng **4,5%** mức tiền lương hàng tháng
- Áp dụng đối với thân nhân của người lao động quy định tại điểm 1 ở trên:
 - **Từ ngày 1/1/2014:** mức đóng hàng tháng bằng **3%** mức tiền lương hàng tháng
- Áp dụng đối với các đối tượng đang hưởng trợ cấp thất nghiệp:
 - **Từ ngày 1/1/2010:** mức đóng hàng tháng bằng **4,5%** mức trợ cấp thất nghiệp

Nghị định có hiệu lực từ ngày 1/10/2009. Các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian từ 1/7/2009 đến 1/10/2009 vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định 63/2005/NĐ-CP ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế cho đến hết ngày 31/12/2009.

Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được

Theo **Thông tư 04/2009/TT-BKH** ngày 23/7/2009, Bộ KH & ĐT đã ban hành một số danh mục những mặt hàng trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK, thuế GTGT theo quy định hiện hành, cụ thể là 6 danh mục dưới đây:

- Danh mục thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng làm căn cứ thực hiện miễn thuế GTGT. Danh mục này đồng thời là căn cứ xác định miễn thuế NK đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK;
- Danh mục vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK và thuế GTGT;
- Danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm phục vụ cho việc đóng tàu trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK;
- Danh mục nguyên liệu, vật tư phục vụ trực tiếp cho sản xuất phần mềm trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK;
- Danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được làm căn cứ thực hiện miễn thuế NK. Danh mục này cũng là căn cứ xác định miễn thuế NK đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Cũng theo hướng dẫn tại thông tư, nếu có vướng mắc, không thống nhất trong quá trình thực hiện, cơ quan Hải quan sẽ phối hợp với Sở KHĐT địa phương cùng xử lý, và trong trường hợp tiếp tục có vướng mắc, Tổng cục Hải quan và Bộ KHĐT sẽ đưa ra quyết định cuối cùng.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định 827/2006/QĐ-BKH ngày 15/8/2006 của Bộ trưởng Bộ KH & ĐT.

Văn bản dự thảo

Nhà thầu nước ngoài được áp dụng lại phương pháp hỗn hợp

Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư hướng dẫn bổ sung Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam ("Nhà thầu nước ngoài"). Theo đó, Nhà thầu nước ngoài được áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ phần trăm (%) tính trên doanh thu tính thuế - phương pháp hỗn hợp - nếu thỏa mãn tất cả các **điều kiện** sau:

- Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;
- Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực; và
- Tổ chức được việc hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán theo hướng dẫn của BTC.

Dự thảo cũng đề cập trong phạm vi 20 ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng, bên Việt Nam ký hợp đồng với Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm **thông báo** bằng văn bản với cơ quan thuế địa phương nơi Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế về việc Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp đăng ký và thực hiện nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp nêu trên.

Thông tư dự kiến được chính thức ban hành trong năm 2009 và có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.



Xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại

Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, nhưng không bao gồm các doanh nghiệp chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ.

Tính thần bản dự thảo đưa ra các hướng dẫn xử lý đối với các khoản chênh lệch tỷ giá cho mục đích xác định chi phí và tính thuế TNDN và do đó, hạch toán kế toán đối với các khoản chênh lệch tỷ giá vẫn được thực hiện theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Nội dung xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được hướng dẫn cụ thể như sau:

► Chênh lệch tỷ giá của nghiệp vụ ngoại tệ trong kỳ:

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ trong giai đoạn **đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ của DN mới thành lập**, cũng giống như xử lý về mặt kế toán, số chênh lệch này sẽ được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên BCĐKT và không hình thành chi phí hay doanh thu tính thuế trong kỳ. Khi TSCĐ hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì số chênh lệch lũy kế sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc thu nhập tính thuế. Thời gian phân bổ cho mục đích tính thuế, theo dự thảo Thông tư, là không quá 5 năm;
- Đối với chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các **khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ** phát sinh trong thời kỳ doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả có đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ, thì đối với xử lý về mặt thuế hay kế toán đều được phép ghi nhận ngay vào thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính.

► Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ:

Điểm hoàn toàn mới so với xử lý về thuế hiện hành khi thực hiện đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được đề cập trong dự thảo Thông tư là doanh nghiệp sẽ cần theo dõi riêng biệt giá trị chênh lệch của các khoản mục tài sản/công nợ ngoại tệ ngắn hạn và tài sản/công nợ ngoại tệ dài hạn, do xử lý về thuế đối với các khoản mục này là khác nhau, cụ thể như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ, giá trị chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư cuối năm sẽ **không** được hạch toán và chi phí hoặc thu nhập tính thuế trong năm tài chính;
- Đối với các khoản nợ phải thu/phải trả bằng ngoại tệ dài hạn, doanh nghiệp được hạch toán toàn bộ giá trị chênh lệch do đánh giá lại vào kết quả kinh doanh cho mục đích tính thuế TNDN trong kỳ;
- Tuy nhiên, đối với các khoản nợ phải trả dài hạn, trong trường hợp ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì doanh nghiệp có thể lựa chọn phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn **phải trả trong năm đó**. Số lỗ chênh lệch đánh giá lại còn lại của các khoản nợ phải trả dài hạn sẽ được phân bổ dần vào các năm sau, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Dự kiến Thông tư dự thảo sẽ được áp dụng cho năm tính thuế 2009.

Dự thảo Nghị định phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ

Chính phủ dự kiến trong năm 2009 phê duyệt đề án phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ thông qua việc áp dụng các chính sách ưu đãi về hạ tầng cơ sở, nhân lực, khoa học kỹ thuật và thuế. Theo đó, Dự thảo Nghị định về phát triển công nghiệp hỗ trợ của Chính phủ đưa ra các ngành công nghiệp hỗ trợ được ưu đãi bao gồm dệt - may; da - giày; điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Nội dung ưu đãi dự kiến tập trung vào một số điểm sau:

- ▶ **Ưu đãi về thuế:** các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có thể được hưởng các nhiều mức ưu đãi về thuế như sau:
 - Áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế suất trong 9 năm tiếp theo.
 - Áp dụng các ưu đãi cao nhất về thuế XNK theo luật thuế XNK và các cơ chế ưu đãi liên quan.
 - Thuế suất thuế NK các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà trong nước đã sản xuất được được áp dụng mức thuế suất trần với thời hạn cho đến khi lộ trình miễn, giảm thuế mà Việt Nam đã cam kết trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
 - Ngoài ra người lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp thực hiện các dự án trên cũng có thể được hưởng các ưu đãi cao nhất theo Luật thuế TNCN hiện hành.

- ▶ **Ưu đãi đầu tư, phát triển thị trường:** các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, dự án đầu tư khu, cụm công nghiệp hỗ trợ được vay vốn tối đa 85% tổng vốn cố định từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước. Ngoài ra, các dự án này sẽ được hỗ trợ vốn ngân sách cho các hoạt động tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm; các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quảng cáo miễn phí trên Website của Bộ, Sở Công thương và được áp dụng cơ chế chỉ định thầu hoặc giao thầu.

- ▶ **Ưu đãi về hạ tầng cơ sở:** ưu tiên quỹ đất phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ, xây dựng các trung tâm nguyên phụ liệu, hỗ trợ đầu tư xây dựng cá công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ. Các dự án này được hưởng các ưu đãi ở mức cao nhất về tiền thuê đất, mặt nước theo quy định hiện hành.



Văn bản hướng dẫn

Thuế GTGT

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT

Ngày 20/07/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 10220/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố hướng dẫn rõ hơn về điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng là chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản bên mua sang tài khoản bên bán như séc, ủy nhiệm chi, lệnh chi, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng...;
- Các trường hợp thanh toán bù trừ giá trị hàng hóa, bù trừ công nợ như vay, mượn tiền, cấn trừ công nợ, ủy quyền bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng... thì phương thức thanh toán này phải được quy định rõ trong hợp đồng, đồng thời phải có các tài liệu, điều kiện bổ sung như: biên bản đối chiếu số liệu, và xác nhận về việc thanh toán bù trừ giá trị hàng hóa, biên bản xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ, hợp đồng vay mượn tiền và chứng từ chuyển tiền vay, bên thứ ba được ủy quyền phải là pháp nhân hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật...;
- Trường hợp thanh toán trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa dịch vụ mua trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế, nhưng đến thời hạn thanh toán không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ và phải điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ. Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh giảm, cơ sở kinh doanh mới có được chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì có quyền khai bổ sung nhưng phải trước khi cơ quan thuế có quyết định thanh kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế;
- Thanh toán tiền hàng mang tính chất nội bộ doanh nghiệp có đơn vị hạch toán phụ thuộc có phát sinh hóa đơn GTGT nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì quan hệ thanh toán nội bộ này vẫn đủ điều kiện được khấu trừ thuế GTGT;
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên trong thời gian từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009, có chứng từ nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền của bên mua vào tài khoản của bên bán là đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

Quy định về việc hoàn thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng hoàn thuế trước kiểm tra sau nếu Cục thuế kiểm tra, phát hiện không mở đủ sổ sách kế toán theo chế độ thì sẽ bị thu hồi số thuế GTGT đã được hoàn trước đây. Sau đó nếu Cục thuế kiểm tra doanh nghiệp đã đáp ứng được các điều kiện về sổ sách kế toán, chứng từ, hóa đơn, kê khai nộp thuế GTGT theo quy định thì xem xét giải quyết cho doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT đầu vào, không giải quyết việc hoàn thuế đối với số tiền thuế GTGT đã kiểm tra thu hồi. Doanh nghiệp bị xử phạt về hành vi không mở sổ sách kế toán theo chế độ, không bị xử phạt về hành vi trốn thuế, gian lận thuế nếu được xác định là không vi phạm về trốn thuế, gian lận thuế.

Trên đây là nội dung Công văn 2635/TCT-KK ngày 1/7/2009 của TCT hướng dẫn một Cục thuế địa phương về việc kiểm tra hoàn thuế GTGT.

Thuế TNDN và thuế TNCN

Chính sách thuế đối với giao dịch cổ phiếu tại nước ngoài

Ngày 7/7/2009, Tổng Cục thuế đã ban hành Công văn 2766/TCT-CS hướng dẫn chính sách thuế đối với cổ tức từ cổ phiếu do Công ty Việt Nam phát hành, niêm yết và giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài. Theo đó:

- Thu nhập từ cổ tức của các tổ chức nắm giữ cổ phiếu do một công ty Việt Nam phát hành, niêm yết và giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài sẽ thuộc diện thu nhập được miễn thuế TNDN tại Việt Nam.
- Cũng theo Công văn trên, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú nhận thu nhập từ cổ tức từ cổ phiếu của công ty Việt Nam phát hành, niêm yết và giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài sẽ phải nộp thuế TNCN với thuế suất 5% trên lợi tức, cổ tức theo mỗi lần trả. Công ty Việt Nam chi trả cổ tức có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN và nộp vào NSNN. Trong trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu, thời điểm chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được coi là thời điểm xác định thu nhập.

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước sẽ có hiệu lực cao nhất trong trường hợp có sự khác biệt so với nội luật về việc nộp thuế TNCN nêu trên.

Hải quan và Xuất nhập khẩu

Tham vấn trị giá tính thuế hàng nhập khẩu

Liên quan đến việc xác định trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu, trường hợp lô hàng nhập khẩu của doanh nghiệp có trị giá tính thuế thuộc diện phải tham vấn: đến thời hạn tham vấn, doanh nghiệp không đến tham vấn và không có văn bản trả hoãn việc tham vấn, cơ quan hải quan có quyền bác bỏ trị giá khai báo và xác định lại trị giá tính thuế nếu như doanh nghiệp đã kê khai không trung thực hoặc không giải trình được về số liệu kê khai.

Trong thời gian 60 ngày hàng hóa nhập khẩu cùng một hợp đồng nhưng thời gian kiểm tra xác định trị giá khác nhau, có nhiều thông tin dữ liệu khác nhau thì thời điểm xác định trị giá hải quan là ngày người khai hải quan đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp đối với cùng một mặt hàng, do cùng một doanh nghiệp nhập khẩu tại một đơn vị hải quan, theo cùng một hay nhiều hợp đồng khác nhau, thì sẽ chỉ tiến hành tham vấn cho lô hàng

nhập khẩu lần đầu nếu thông tin liên quan đến việc xác định trị giá tính thuế cho các lô hàng mới không thay đổi so với lô hàng đầu, đồng thời, doanh nghiệp chấp nhận sử dụng kết quả tham vấn lần đầu cho các lần tiếp theo.

Trên đây là nội dung Công văn 4120/TCHQ-KTTT 13/07/2009 của Tổng Cục Hải quan hướng dẫn cơ quan Hải quan địa phương về việc xác định trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu.



Hướng dẫn Thông tư 116/2008/TT- BTC về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài

Nhằm giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến Thông tư 116/2008/TT-BTC nêu trên, Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan đã lần lượt ban hành các Công văn 9003/BTC-TCHQ ngày 24/06/2009 và Công văn 3833/TCHQ-GSQL ngày 30/06/2009 với một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp trước đây đã được phép thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp không có cơ sở sản xuất, nếu được đánh giá là doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan thì được tiếp tục đăng ký các hợp đồng gia công tại Chi cục này;
- Theo quy định, việc điều chỉnh định mức không áp dụng cho những sản phẩm đã xuất khẩu. Tuy nhiên, nếu sau khi xuất khẩu sản phẩm gia công, doanh nghiệp phát hiện định mức thực tế không đúng với định mức đã đăng ký và tự khai báo trước thời điểm nộp hồ sơ thanh khoản thì được phép điều chỉnh nếu định mức thực tế thấp hơn định mức đã đăng ký;
- Trường hợp trong hợp đồng gia công đã thỏa thuận được định mức thực tế thì thời điểm đăng ký định mức là cùng thời điểm đăng ký hợp đồng gia công hoặc đăng ký tờ khai hải quan để nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên. Nếu trong hợp đồng có thỏa thuận về định mức nhưng chưa phải là định mức thực tế, doanh nghiệp có văn bản giải trình và được hải quan chấp nhận thì có thể đăng ký định mức trước hoặc cùng thời điểm làm thủ tục xuất khẩu lô sản phẩm đầu tiên;
- Hợp đồng gia công đăng ký trước ngày Thông tư 116 có hiệu lực thi hành (8/1/2009) nhưng thủ tục hải quan thực hiện sau thời điểm đó thì vẫn thực hiện theo Thông tư 116;
- Nếu doanh nghiệp không thể hoàn thành sản phẩm trong thời hạn của phụ lục hợp đồng ban đầu thì đến thời hạn vẫn phải thanh khoản phụ lục này và chuyển nguyên phụ liệu dư thừa sang phụ lục tiếp theo;
- Doanh nghiệp Việt Nam nhận gia công cho phía nước ngoài nhưng sau khi nhập khẩu nguyên liệu thì chuyển cho doanh nghiệp Việt Nam khác gia công lại thì hợp đồng gia công có thể đăng ký tại hải quan nơi có cơ sở sản xuất của một trong hai doanh nghiệp trên. Trường hợp bên nhận gia công nhập khẩu nguyên liệu vào kho của mình trước rồi mới chuyển cho bên gia công lại thì phiếu nhập xuất kho cho hải quan kiểm tra là của bên nhận gia công. Trường hợp nguyên liệu được đưa trực tiếp vào kho của bên nhận gia công lại thì phiếu xuất nhập kho nguyên liệu, sản phẩm để hải quan kiểm tra là chứng từ của bên nhận gia công lại, kèm hợp đồng gia công lại;
- Trường hợp hợp đồng gia công hết hiệu lực nhưng còn sản phẩm gia công chưa xuất hết thì không cần phải ký bổ sung phụ lục hợp đồng mà chỉ cần có văn bản cam kết với hải quan về việc xuất khẩu số sản phẩm này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng gia công.



Tiếp tục đơn giản hóa bộ hồ sơ hải quan

Phản hồi lại một số kiến nghị của doanh nghiệp về thủ tục hải quan cho hàng hóa XNK, TCHQ đã ban hành Công văn 3886/TCHQ-GSQL ngày 2/7/2009 cho phép doanh nghiệp được linh hoạt trong việc nộp hồ sơ XNK hàng hóa như sau:

- ▶ Trường hợp nhiều đơn hàng, nhiều hóa đơn thương mại (“HĐT/M”) từ 1 nhà cung cấp và có chung vận tải đơn:
 - Doanh nghiệp được đăng ký chung trong 1 tờ khai hải quan (“TKHQ”);
 - Khai đầy đủ số đơn hàng trên TKHQ hoặc lập phụ lục chi tiết đính kèm. Trường hợp cùng mặt hàng của nhiều đơn hàng khác nhau thì chỉ cần khai theo 1 dòng hàng với số lượng tổng của các đơn hàng.

- ▶ Trường hợp hàng hóa thuộc các loại hình khác nhau, có thời hạn nộp thuế khác nhau, có cùng 1 vận tải đơn, 1 hóa đơn thương mại, 1 bảng kê chi tiết hàng hóa và 1 hợp đồng mua bán thì:
 - Hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nào sẽ đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình đó;
 - Các chứng từ đi kèm sẽ sử dụng chung, bản chính được lưu theo 1 TKHQ, các tờ khai còn lại dùng bản sau có dẫn chiếu đến bản chính.

Song song với việc áp dụng đăng ký hợp đồng tổng như chúng tôi đã đề cập trong Bản tin thuế tháng 6/2009, các thay đổi nói trên đã làm gọn quy trình chuẩn bị hồ sơ XNK và phù hợp với thực tiễn kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp chỉ có 1 số lượng đối tác nước ngoài chủ yếu.



Bảo hiểm thất nghiệp

Hướng dẫn thực hiện thu – chi bảo hiểm thất nghiệp

Ngày 2/6/2009, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn 1615/BHXH-CSXH hướng dẫn cụ thể việc thực hiện thu – chi đối với bảo hiểm thất nghiệp (“BHTN”) theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn liên quan. Sau đó, ngày 22/6/2009, Công văn 2035/BHXH-CSXH được ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Công văn 1615. Một số nội dung chính về thu – chi BHTN được quy định tại các văn bản này như sau:

- ▶ Đối tượng bắt buộc tham gia BHTN:
 - Người sử dụng lao động có **10** người lao động trở lên, tính cả các đối tượng làm việc theo hợp đồng mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn từ 3 tháng trở lên;
 - Thời điểm tính số lao động hàng năm là ngày 1/1. Nếu trong năm đơn vị đang đóng BHTN mà số lao động giảm đến dưới 10 người thì đơn vị vẫn phải đóng BHTN cho những người còn lại đến hết năm;
 - Nếu tại thời điểm ngày 1/1 chưa đủ 10 lao động, nhưng vào thời điểm khác trong năm có sử dụng từ đủ 10 lao động trở lên thì đơn vị phải đóng BHTN từ ngày 01 của tháng tiếp theo tháng có đủ 10 lao động trở lên.
- ▶ Trường hợp tiền lương trong hợp đồng ghi bằng ngoại tệ thì phải quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng như theo quy định hiện hành đối với BHXH và BHYT;



- ▶ Trường hợp công ty mẹ thuộc đối tượng đóng BHTN có người lao động làm việc tại các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có dưới 10 lao động thì những người lao động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện vẫn phải đóng BHTN, nơi chi nhánh hoặc văn phòng đại diện đang đóng BHXH, BHYT;
- ▶ Thủ tục, hồ sơ, trình tự tham gia và đóng BHTN được quy định cụ thể tại Công văn. Theo hướng dẫn tại Công văn, hệ thống mẫu biểu về thu và phương pháp lập được (tạm thời) sử dụng chung cho thu BHXH, BHYT và BHTN. Công văn cũng hướng dẫn chi tiết các trường hợp truy đóng, thoái trả BHTN, xử lý vi phạm về đóng BHTN; quản lý và chi trả các chế độ BHTN;
- ▶ Đối với các đơn vị chưa đóng BHTN kể từ ngày 1/1/2009 theo quy định tại Nghị quyết số 32/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, thì phải đóng đủ số tiền mà đơn vị chưa đóng của 6 tháng đầu năm 2009 vào 6 tháng cuối năm 2009. Từ ngày **1/7/2009** trở đi, đơn vị chậm đóng BHTN thì thực hiện tính lãi theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Richard Buchanan
Partner
rbuchanan@deloitte.com
Tel: +84 8 3910 5267

Tom McClelland
Partner
tmcclelland@deloitte.com
Tel: 84 8 3910 0751

Donald Wilson
Senior Tax Counsel
donawilson@deloitte.com
Tel: +84 8 3910 5267

Bùi Tuấn Minh
Giám Đốc Tư vấn Thuế
mbui@deloitte.com
Tel: +84 4 3577 0782

Bùi Ngọc Tuấn
Giám Đốc Tư vấn Thuế
tbui@deloitte.com
Tel: 84 8 3910 0751

Lynn Tastan
Giám Đốc Tư vấn Thuế
ltastan@deloitte.com
Tel: 84 8 3910 0751

Andrea Tochackova
Giám Đốc Tư vấn Thuế
atochackova@deloitte.com
Tel: 84 8 3910 0751

Bản tin cập nhật về Thuế này được cung cấp cho khách hàng và nhân viên nghiệp vụ tại các văn phòng của Deloitte Việt Nam. Nội dung trong bản tin chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn thuế trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.

Deloitte Việt Nam là một thành viên trong khối Deloitte Đông Nam Á bao gồm các hãng thành viên hoạt động tại Brunei, Guam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand and Vietnam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời xem tại địa chỉ trang web: www.deloitte.com/vn

Deloitte là một tổ chức bao gồm các hãng thành viên là những công ty cung cấp dịch vụ chuyên ngành và tư vấn luôn chú trọng đến kết quả thực hiện công việc, tính trung thực và chất lượng dịch vụ tại 140 quốc gia trên thế giới. Deloitte được tổ chức theo mô hình Verein kiểu Thụy sĩ, là một hiệp hội gồm nhiều hãng thành viên độc lập với nhau về mặt pháp lý nhưng hoạt động dưới những tên gọi liên quan đến nhau. Các hãng thành viên hoạt động dưới tên "Deloitte", "Deloitte & Touche", "Deloitte Touche Tohmatsu", hoặc các tên liên quan khác.

© 2009 Deloitte Vietnam Company Limited